

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ**

Bản án số: 20/2023/HS-ST
Ngày: 12/01/2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị B

Các Hội thẩm nhân dân Bà: Nguyễn Thị Kim C

Bà: Vương Thị Khánh L

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc B- Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Lê Thị Vân A- Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ba, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 581/2022/TLST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 633/2022/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Đức A**; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1994, tại T; Nơi cư trú: Tổ 14B, khu phố B, phường H, thành phố B, tỉnh Đ (Nơi đăng ký HKTT: xã T, huyện T, tỉnh T); Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Họ và tên cha: Lê Văn H, sinh năm 1960 (đã chết);

Họ và tên mẹ: Phạm Thị D, sinh năm 1961 (còn sống);

Bị cáo là con thứ ba trong gia đình có ba anh, chị, em. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo đang được tại ngoại để điều tra.

Bị hại:

1/ Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1999.

Hộ khẩu thường trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C;

Địa chỉ hiện tại: khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh B.

2/ Anh Lâm Hoàng M, sinh năm 1996.

Hộ khẩu thường trú: ấp T, xã V, huyện V, tỉnh B.

Địa chỉ hiện tại: khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh B.

Bị cáo Anh có mặt tại phiên tòa; ông M, ông L (đều là bị hại) vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 25/6/2022, anh Nguyễn Văn L (sinh năm 1999, trú tại: phường T, thành phố D, tỉnh B) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 67M1-274.53, chở anh Lâm Hoàng M (sinh năm 1996, trú tại: phường T, thành phố D, tỉnh B) đến khu vực hồ nước tại tổ 14B, khu phố B, phường H, thành phố B, tỉnh Đ để bắt cá. Khi đến nơi, anh L bỏ ví tiền bên trong có 550.000đ (năm trăm năm mươi nghìn đồng) còn anh M bỏ chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno 7 vào cốp xe, rồi dựng xe gần bờ hồ, cách nhà của Lê Đức A khoảng 50m, sau đó đi đến hồ bắt cá. Đến khoảng 10 giờ 00 cùng ngày, Lê Đức A đang ở trong nhà thì nhìn thấy xe mô tô biển số 67M1-274.53, không có người trông coi, nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Thực hiện ý định, Đức A đi đến gần chiếc xe, dùng tay nâng yên xe tạo thành khe nhỏ và đưa tay vào cốp xe lấy 01 (một) chiếc ví da và 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 7. Đức A mở ví lấy số tiền 550.000 đ (năm trăm năm mươi nghìn đồng), rồi vứt chiếc ví xuống đất ngay bên dưới chiếc xe, sau đó cầm tiền và điện thoại đem về nhà cất giấu. Lúc này anh M quan sát thấy có người đến gần xe mô tô, nghi ngờ nên anh M và anh L đi đến chỗ chiếc xe để kiểm tra thì phát hiện chiếc ví nằm dưới đất, số tiền 550.000 đồng (năm trăm năm mươi nghìn đồng) trong ví và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 7 đã bị mất. Nghi ngờ Đức A là người đã lấy trộm tài sản nên anh L đã trình báo Công an phường H. Công an phường H đã đến nhà của Lê Đức A tại tổ 14B, khu phố B, phường H, thành phố B kiểm tra, thu giữ vật chứng và lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xử lý theo quy định.

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno 7, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu hồi trả cho chủ sở hữu là anh Lâm Hoàng M.

- Số tiền 550.000 đ (Năm trăm năm mươi nghìn đồng) Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu hồi trả cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Văn L.

- Tại bản kết luận định giá tài sản số 238/KL-HĐĐGTS ngày 27/6/2022, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Hình sự kết luận: “01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno 7 có giá trị định giá là 6.000.000 (Sáu triệu đồng).

Về dân sự:

Các bị hại là anh Lâm Hoàng M và anh Nguyễn Văn L đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu Lê Đức A phải bồi thường.

Cáo trạng số 582/CT-VKSBH ngày 01/12/2022 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy bị cáo Lê Đức A về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Lê Đức A và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Lê Đức A mức án từ 06 tháng đến 08 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Lê Đức A đã thừa nhận: Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 25/6/2022, tại tổ 14B, khu phố B, phường H, thành phố B, Lê Đức A đã có hành vi trộm cắp số tiền 550.000 đồng (Năm trăm năm mươi nghìn đồng) của anh Nguyễn Văn Linh và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno 7, có giá trị định giá là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) của anh Lâm Hoàng M thì bị bắt giữ để điều tra xử lý.

Tổng giá trị tài sản mà Lê Đức A trộm cắp là 6.550.000 đồng (Sáu triệu, năm trăm, năm mươi nghìn đồng).

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo, lời khai của bị hại, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Đức A đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương.

Do vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội bị cáo thực hiện, nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt, cũng để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng đối với bị cáo: Không
- Tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự).

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có

[6] Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt.

Về trách nhiệm dân sự: không có

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017)

Tuyên bố bị cáo Lê Đức A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Đức A 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: không

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Đức A phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại Lâm Hoàng M, Nguyễn Văn L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố B;
- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- Bị cáo;
- Các bị hại;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị B